

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2023

V/v: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con.”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Trung Lan – Bà Trịnh Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nghiêm Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đa Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đa Tẻh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đa Tẻh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2023/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1978, trú tại: Thôn 3, xã Quảng Trị, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1976, trú tại: Thôn 3, xã Quảng Trị, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ghi ngày 08 tháng 5 năm 2023 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Tám và anh Nguyễn Văn N tự nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn với nhau từ năm 2000 có đăng ký tại UBND xã Eaky huyện K, tỉnh Đắk Lắk và sinh sống với nhau tại thôn 3, xã Quảng Trị, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng anh chị sống với nhau được một thời gian thì không hòa hợp, không mang lại hạnh phúc. Anh chị đã không còn chung sống với nhau từ lâu, mạnh ai nấy sống, không có sự yêu thương chăm sóc. Nay chị Tám yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn N để cả hai ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa anh, chị có hai con chung tên là Nguyễn Thị Thùy V, sinh ngày 10/02/2001 và Nguyễn Văn V, sinh ngày 16/3/2007. Hiện nay, cháu V đã thành niên tự lo cuộc sống của mình, riêng cháu V còn nhỏ đang sống cùng chị và chị vẫn đang trực tiếp chăm sóc giáo dục cháu. Vì vậy, khi ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu V. Chị Tám không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T trình bày giữa anh, chị không nợ ai.

Ngoài ra chị Nguyễn Thị T không trình bày hay yêu cầu gì khác.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập anh Nguyễn Văn N tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh N vắng mặt không có lý do.

Theo biên bản xác minh ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ do địa phương cung cấp thì anh N có nơi ở và hộ khẩu thường trú tại: Thôn 3, xã Quảng Trị, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tuy nhiên anh Nam hay đi vắng nhà lâu lâu, thỉnh thoảng có về thăm nhà. Trong quá trình giải quyết vụ án anh N không cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh N không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai không có lý do.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T.

- Về con chung: Đề nghị xử giao con là Nguyễn Văn V cho chị T trực tiếp nuôi con, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Buộc chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì đối với việc thụ lý, giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn chị Phạm Thị T khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn N và yêu cầu được nuôi con chung, qua xác minh nơi cư trú của anh N hiện cư trú tại: Thôn 3, xã Quảng Trị, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, xác định tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nam là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T về ly hôn và nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Đối với yêu cầu ly hôn của chị T với anh N:

Chị Tám và anh Nam tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Eaky huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2000 vì vậy quan hệ hôn nhân được xác lập giữa chị Tám, anh Nam là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ là biên bản xác minh ngày 17/7/2023 của Tòa án về tình trạng hôn nhân giữa anh chị tại địa phương thấy rằng: Việc chị T trình bày giữa vợ chồng anh chị không sống cùng nhau và đã bỏ đi làm ăn xa không rõ nơi nào lâu lâu mới về thăm con là hoàn toàn phù hợp với nhau. Mặc dù, chị T nộp đơn ly hôn với anh N tuy nhiên anh N không có ý kiến gì về điều này, cho thấy anh N không có mong muốn níu kéo hạnh phúc gia đình. Như vậy, có thể khẳng định giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn dẫn đến đến hai bên không chung sống cùng nhau chỉ qua lại với nhau để thăm con. Do đó có đủ cơ sở để nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội Đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị T với anh Nguyễn Văn N là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[2] Đối yêu cầu được nuôi con của chị Phạm Thị T sau khi ly hôn:

Căn cứ đơn khởi kiện của chị Tám và tài liệu, chứng cứ kèm theo thể hiện trong quá trình chung sống cùng nhau giữa chị Tám và anh N có hai con chung là Nguyễn Thị Thùy V, sinh ngày 10/02/2001 và Nguyễn Văn V, sinh ngày 16/3/2007, hiện cháu V đã trưởng thành còn cháu V đang sống cùng chị T do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Trên cơ sở lời khai của cháu V trình bày nguyện vọng được sống cùng với mẹ và bản thân anh N cũng không có ý kiến gì trong vụ án này. Do vậy nhằm đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con và không gây xáo trộn trong cuộc sống của cháu Việt nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu V cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Đối với tài sản chung, nợ chung:

Theo lời khai của chị T trong quá trình tố tụng thì giữa anh và chị không có nợ chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Đồng thời, anh N cũng không trình bày ý kiến của mình về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chị Phạm Thị T khởi kiện ly hôn nên phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.

Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Giao con chung là Nguyễn Văn V, sinh ngày 16/3/2007 cho chị Phạm Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009881 ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Xác nhận chị Phạm Thị T đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh Lâm đồng;
- VKSND huyện, THADS huyện Đ;
- Cơ quan tiến hành đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI BẢO XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Mỹ Diễm

